

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/DS-ST

Ngày: 22-9-2022.

“V/v tranh chấp về dân sự -
Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Thanh Cao;

2. Ông Nguyễn Duy Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022, “V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-DS ngày 24/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 584/2022/QĐST-DS ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1945.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Số nhà 282/4, ấp Hòa B, xã Tân H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 10/8/2022.

- Bị đơn: Ông Võ Thành T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà 205A/4, ấp Hòa B, xã Tân H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 463A/3, ấp Định Th, xã Định H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1975.

2/ Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Số nhà 281B/4, ấp Hòa B, xã Tân H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Tân H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Ông Trần Thanh D, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số nhà 468/2, ấp Hòa T, xã Tân H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh M, anh Thành T1, anh Hữu T2, chị R, bà L, anh D đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị T là anh Nguyễn Thanh M trình bày:

Ông Võ Thành Sơn là cha ruột của anh Võ Thành T1 đã giới thiệu với bà T để bà bán trái nhãn Idol cho anh Thành T1 nên anh Thành T1 đã đến vườn nhãn của bà T để xem trái nhãn. Sau đó giữa bà T với anh Thành T1 có thỏa thuận giá mua bán trái nhãn là 18.000 đồng/kg, không làm hợp đồng mua bán, việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Từ ngày 01/6/2020 đến ngày 13/6/2020, anh Thành T1 đã vào tận vườn nhãn để mua và tổng số lượng ký trái nhãn anh Thành T1 mua của bà T là 6.504kg với số tiền là: $6.504\text{kg} \times 18.000 \text{ đồng/kg} = 117.072.000 \text{ đồng}$ (Một trăm mười bảy triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Bà T có thuê 03 người hái trái nhãn tên thường gọi Nguyễn Thị Thu Hai, Nguyễn Thị Góp, Nguyễn Thị Thu Ba. Từ tháng 6/2020 đến nay, anh Thành T1 đã nhiều lần trả tiền mua nhãn cho bà T với số tiền 60.000.000 đồng, còn nợ lại 57.072.000 đồng. Việc mua bán trái nhãn không ghi xác nhận nợ mà chỉ ghi vào sổ theo dõi của bà T, mặc dù đã thỏa thuận cân xong sẽ trả tiền ngay nhưng khoảng từ 5 đến 7 ngày sau anh Thành T1 mới trả tiền cho bà T.

Anh Võ Thành T1 đến trả tiền tại vườn nhãn nhà của bà T được 03 lần với số tiền 50.000.000 đồng và lần cuối anh Thành T1 có gửi tiền cho cha ruột của anh Thành T1 là ông Võ Thành Sơn 10.000.000 đồng anh M nhận tiền và đưa lại cho bà T nhưng cha ruột anh Thành T1 hiện nay đã chết, ngoài ra không ai chứng kiến việc trả tiền mua trái nhãn giữa bà T với anh Thành T1. Bà T và anh Nguyễn Thanh M nhiều lần đến nhà anh Thành T1 yêu cầu trả số tiền mua trái nhãn còn nợ nhưng anh Thành T1 cố tình không trả và còn đe dọa bà T. Ngày 25/11/2020 và ngày 06/12/2020, anh M là con của bà T có gọi điện thoại và ghi âm lại cuộc

gọi nói chuyện với anh Thành T1 và yêu cầu anh Thành T1 trả nợ nhưng anh Thành T1 không trả. Anh M đã cung cấp USB mặt trước KAKU hiệu KSC-432 16GB chứa file ghi âm nội dung cuộc điện thoại giữa anh M với anh Thành T1 và bản Tường trình bằng văn bản kèm theo cho Tòa án. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Võ Thành T1 trả cho bà T số tiền mua trái nhãn còn nợ là 57.000.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Anh Thành T1 cho rằng lúc đầu giá mua trái nhãn thỏa thuận với bà T là 18.000 đồng/kg nhưng do bán lại không có lời nên anh Thành T1 đã thỏa thuận và bà T đồng ý bán trái nhãn cho anh Tâm với giá 10.000 đồng/kg là không đúng sự thật. Vì bà T không thỏa thuận lại với anh Thành T1 về giá bán trái nhãn là 10.000 đồng/kg, sau khi anh Tâm mua hết trái nhãn tại vườn của bà T thì anh Thành T1 tiếp tục mua trái nhãn của vườn anh Hữu T2 và anh D là con trai và con rể của bà T. Gia đình bà T không đe dọa anh Võ Thành T1, anh M và bà T có đến nhà anh Thành T1 và có gặp anh Thành T1 ngoài đường để yêu cầu anh Thành T1 trả nợ, nếu không trả nợ thì gia đình bà T sẽ khởi kiện tới cùng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Võ Thành T1 trình bày: Năm 2020, anh Thành T1 có mua trái nhãn của bà Phan Thị T. Anh Thành T1 và bà T có thỏa thuận giá mua trái nhãn là 18.000 đồng/kg. Sau khi cân khoảng hơn 300kg trái nhãn vào ngày đầu tiên, anh Thành T1 chở đi thành phố Long Xuyên bán lẻ nhưng anh bán chỉ được giá 15.000 đồng/kg nên anh Thành T1 về gặp bà T thỏa thuận lại giá mua trái nhãn là 10.000 đồng/kg. Việc mua và bán giữa anh Tâm với bà T không có đặt cọc, không ghi vào sổ theo dõi nếu bà T không đồng ý giá 10.000 đồng/kg thì anh Thành T1 không mua nữa. Việc thỏa thuận giá mua trái nhãn chỉ có anh Thành T1 với bà T thỏa thuận bằng lời nói, ngoài ra không có ai chứng kiến. Tổng số lượng ký trái nhãn anh Thành T1 mua của bà T là 6.504kg, sau khi cân xong là anh Thành T1 kết sổ trả hơn 52 triệu đồng, anh T1 chỉ còn nợ lại 10.000.000 đồng. Sau đó khoảng 02 tháng, anh Thành T1 có đưa cho ba của anh là ông Võ Thành Sơn gửi trả anh Nguyễn Thanh M con của bà T nhận tại tiệm hớt tóc của ông Sơn.

Anh Võ Thành T1 có tên thường gọi khi đi mua bán là Hiếu, anh thừa nhận có nhận nhiều cuộc gọi điện thoại của anh M và của bà T, có lần anh M đe dọa đòi nợ và có nhiều lần nhắc đến khoảng nợ. Thời gian nhận cuộc gọi đã lâu nên anh không nhớ cụ thể vào thời gian nào. Ngày 06/9/2022, anh T2 có cung cấp lời khai của mình tại Tòa án, anh đã nghe 02 đoạn âm thanh nói chuyện có giọng nói của anh và anh Nguyễn Thanh M. Anh Thành T1 thừa nhận giọng nói trong đoạn âm thanh anh được nghe là giọng nói của anh và giọng nói của anh M. Do anh M điện thoại và nhiều lần gặp trực tiếp đe dọa đòi nợ nên anh Thành T1 mới thừa nhận có nợ 57.000.000 đồng tiền mua trái nhãn theo giá anh M tính là 18.000 đồng/kg nhằm mục đích để anh M không làm phiền đến cuộc sống của anh. Sau đó, anh Thành T1 điện thoại cho bà T và bà T hứa sẽ giải thích cho anh

M biết là anh Thành T1 đã trả đủ tiền để anh M không làm phiền đến anh Thành T1 nữa. Anh Thành T1 đã trả đủ tiền mua trái nhãn cho bà T nên anh Thành T1 không đồng ý trả số tiền nợ mua trái nhãn 57.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Phan Thị T và từ trước đến nay, anh Thành T1 chỉ mua bán trái nhãn một lần duy nhất với bà Phan Thị T.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách đương sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ mua trái nhãn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung nên Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện trả số tiền nợ mua trái nhãn của bà Phan Thị T đối với anh Võ Thành T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Từ ngày 01/6/2020 đến ngày 13/6/2020, anh Võ Thành T1 (tên thường gọi là Hiếu) đã mua trái nhãn Idol tại vườn nhãn của bà Phan Thị T với tổng số lượng trái nhãn mua được là 6.504kg, giá 18.000 đồng/kg, việc mua bán không ghi hóa đơn, không đặt cọc, tổng cộng số tiền anh Võ Thành T1 phải trả cho bà T là 117.072.000 đồng, anh Võ Thành T1 đã nhiều lần trả tiền mua trái nhãn cho bà T

với số tiền 60.000.000 đồng, còn nợ lại 57.072.000 đồng.

Anh Võ Thành T1 thừa nhận có một lần mua trái nhãn Idol của bà Phan Thị T vào năm 2020, giá thỏa thuận là 18.000đồng/kg, tổng số lượng trái nhãn anh Võ Thành T1 mua trong khoảng thời gian hơn 10 ngày là 6.504kg. Tuy nhiên, sau ngày thứ nhất mua trái nhãn và chở đi bán lại anh Võ Thành T1 đã bán giá thấp hơn giá mua của bà T nên anh đã thỏa thuận lại và bà T đồng ý bán với giá là 10.000 đồng/kg.

Tại phiên tòa, người làm chứng là anh Nguyễn Hữu T2, bà Đoàn Thị L, anh Trần Thanh D cho rằng: Anh D và anh Hữu T2 là người hái trái nhãn giúp bà T, còn bà L là người làm công do bà T thuê nhặt lá nhãn nên có chứng kiến anh Võ Thành T1 (Hiếu) đến vườn nhãn của bà T mua trái nhãn và nghe anh Võ Thành T1 nói giá mua trái nhãn là 18.000 đồng/kg, không chứng kiến việc thỏa thuận giá mua bán trái nhãn giữa anh Võ Thành T1 với bà Phan Thị T. Ngoài ra, người làm chứng là chị Nguyễn Thị R cũng là con dâu của bà T cho rằng có chứng kiến việc thỏa thuận giá mua bán trái nhãn giữa anh Võ Thành T1 và bà Phan Thị T là 18.000 đồng/kg và biết việc mua bán cũng như việc anh Võ Thành T1 còn nợ bà T số tiền 57.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh M và anh Thành T1 đều thừa nhận tại thời điểm thỏa thuận giá mua bán trái nhãn chỉ có bà T và anh Thành T1 ngoài ra không có người khác chứng kiến. Vì vậy lời trình bày của chị R là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở xác định việc mua và bán trái nhãn giữa bà Phan Thị T và anh Võ Thành T1 là có thật, hoàn toàn tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc. Bà Phan Thị T và anh Võ Thành T1 đều thống nhất giá mua, bán trái nhãn là 18.000 đồng/kg. Tại phiên tòa bị đơn Võ Thành T1 cho rằng: Sau khi cân khoảng hơn 300kg trái nhãn vào ngày đầu tiên, anh chở đi thành phố Long Xuyên bán lẻ nhưng anh bán chỉ được giá 15.000 đồng/kg nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2022 anh Thành T1 khai bán lại với giá 13.000 đồng/kg nên anh về gặp bà T thỏa thuận lại giá mua trái nhãn là 10.000 đồng/kg và bà T đã đồng ý. Việc thỏa thuận giá mua trái nhãn chỉ có anh với bà T thỏa thuận bằng lời nói không có chứng cứ chứng minh, ngoài ra không có người chứng kiến. Tại phiên tòa, người đại diện của bà T xác định không có việc anh Võ Thành T1 gặp bà T để thỏa thuận lại giá mua, bán trái nhãn là 10.000 đồng/kg. Do đó lời trình bày của anh Võ Thành T1 về việc thỏa thuận lại giá mua, bán trái nhãn 10.000 đồng/kg là không có căn cứ.

Bên cạnh đó, anh Võ Thành T1 cũng thừa nhận đã nhiều lần nhận cuộc điện thoại gọi đến từ anh M và bà T, số điện thoại của anh M cung cấp cho Tòa án không phải là số điện thoại anh sử dụng nhưng anh Võ Thành T1 thừa nhận đoạn âm thanh mà anh M cung cấp cho Tòa án là giọng nói của anh Thành T1. Do có lần anh M gặp anh Võ Thành T1 đe dọa đòi nợ nên khi nhận được cuộc

điện thoại từ anh M thì anh Võ Thành T1 đã thừa nhận có nợ 57.000.000 đồng, anh Võ Thành T1 cho rằng số tiền anh thừa nhận nợ 57.000.000 đồng là tiền nợ mua trái nhãn theo giá anh M tính là 18.000 đồng/kg nhưng anh Võ Thành T1 không có chứng cứ chứng minh việc anh Võ Thành T1 bị anh M đe dọa mới thừa nhận nợ 57.000.000 đồng. Thời gian nhận cuộc gọi đã lâu nên anh Võ Thành T1 không nhớ thời gian cụ thể.

Như vậy anh Võ Thành T1 đã mua của bà Phan Thị T 6.504kg trái nhãn Idol, giá 18.000 đồng/kg, tổng số tiền anh Võ Thành T1 phải thanh toán cho bà Phan Thị T là 117.072.000 đồng. Anh Võ Thành T1 cho rằng đã trả đủ số tiền hơn 60 triệu đồng nhưng anh Võ Thành T1 không có chứng cứ chứng M. Tuy nhiên, bà T cũng thừa nhận anh Võ Thành T1 đã trả cho bà được số tiền 60.000.000 đồng, còn nợ lại 57.072.000 đồng nhưng bà T chỉ yêu cầu anh Võ Thành T1 trả số tiền 57.000.000 đồng. Vì vậy anh Võ Thành T1 mới thừa nhận trong đoạn ghi âm vào ngày 25/11/2020 và ngày 06/12/2020 là còn nợ 57.000.000 đồng đúng với số tiền mua trái nhãn anh Võ Thành T1 còn nợ của bà Phan Thị T. Do đó bà Phan Thị T yêu cầu anh Tâm có nghĩa vụ trả tiền mua trái nhãn còn nợ 57.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Bà Phan Thị T không yêu cầu anh Võ Thành T1 trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Võ Thành T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét lời phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Phan Thị T.

Buộc anh Võ Thành T1 phải trả cho bà Phan Thị T số tiền mua trái nhãn còn nợ là 57.000.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Phan Thị T không yêu cầu anh Võ Thành T1 trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

Bà Phan Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. (Bà T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí).

Anh Võ Thành T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.850.000 đồng (*Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng*) (chưa nộp).

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/9/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng